

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Bình Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Ý - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐ-ST ngày 30/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Q được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tình cảm đôi bên. Vợ chồng anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND xã Đ, huyện L. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2022 anh Q đi lao động tại nước ngoài

từ đó chưa về, từ đó vợ chồng càng xa cách nhau, rất ít khi liên lạc với nhau. Anh Q không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh ở nước ngoài nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 22/3/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc H1, sinh ngày 21/6/2017. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi cháu H1, giao cháu T cho anh Q nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 378, tờ bản đồ số 8, diện tích theo GCNQSD đất là 100m² có địa chỉ tại: thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 28/7/2024 và bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tài sản chung” do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết. Trong yêu cầu khởi kiện của chị, chị đã yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và chia tài sản chung. Nay chị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu về chia tài sản chung. Yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung chị xin giữ nguyên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, giải quyết giúp chị.

* Bị đơn là anh Phạm Văn Q hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Q đến nay Tòa án không nhận được thông tin của anh Q.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh Q là ông Phạm Văn H, ông có ý kiến trình bày như sau: ông là bố đẻ của anh Phạm Văn Q, anh Q hiện đang lao động tại Đài Loan. Anh Q vẫn thường xuyên liên hệ với bố mẹ đẻ và 02 con qua điện thoại nhưng ông không biết địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Việc chị L khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung anh Q có biết. Quan điểm của anh Q là không đồng ý ly hôn với chị L và anh không muốn tách 02 con chung ra. Nếu ai là người nuôi con thì anh yêu cầu phải nuôi cả 02 cháu. Ngoài ra, ông H có ý kiến, do anh Q đang ở nước ngoài nên ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung nếu Tòa án giao 02 con cho anh đến khi anh Q về nước.

* Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2024 với cháu Phạm Văn T, sinh ngày 22/3/2013, cháu T trình bày như sau: Cháu là con của bố Phạm Văn Q, mẹ Nguyễn Thị L. Hiện cháu đang học lớp 5A6 trường T1. Bố cháu đang đi nước ngoài nên hiện nay cháu đang ở với ông bà nội và vẫn được ông bà chăm sóc đầy đủ về vật chất, kinh tế và điều kiện học tập. Từ lúc bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu gặp mẹ được bà lần. Nếu bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do bố cháu đang ở nước ngoài nên cháu đồng ý ở với ông bà nội.

* Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2024 với cháu **Phạm Thị Ngọc H1**, sinh ngày 21/6/2017, cháu **H1** trình bày như sau: Cháu là con của bố **Phạm Văn Q**, mẹ **Nguyễn Thị L**. Hiện cháu đang học lớp 2A6 trường **T1**. Bố cháu đang đi nước ngoài nên hiện nay cháu đang ở với ông bà nội và vẫn được ông bà chăm sóc đầy đủ về vật chất, kinh tế và điều kiện học tập. Từ lúc bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu gặp mẹ được bà lần. Nếu bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do bố cháu đang ở nước ngoài nên cháu đồng ý ở với ông bà nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Phạm Văn H** trình bày: Cháu **T**, cháu **H1** hiện đang sinh sống cùng ông. Ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu thay anh **Q** trong thời gian anh **Q** đi lao động tại nước ngoài. Về cấp dưỡng ông không yêu cầu.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **L** có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn anh **Phạm Văn Q**.

Về con chung: Giao cháu **Phạm Thị Ngọc H1**, sinh ngày 21/6/2017 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu **Phạm Văn T**, sinh ngày 22/3/2013 cho anh **Phạm Văn Q** nuôi dưỡng tuy nhiên tạm giao cho ông **Phạm Văn H** chăm sóc, giáo dục đến khi anh **Q** về nước hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh **Q**, chị **L** có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị **L**.

Về án phí: chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị **L** số tiền 13.050.000 đồng tạm ứng án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Phạm Văn Q. Bị đơn anh Phạm Văn Q có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 18965/QLXNC-P3 ngày 21/8/2024 của Cục Q1 thì anh Q đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 13/12/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Phạm Văn Q được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND xã Đ, huyện L nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Q. Xem xét đơn khởi kiện của chị L, HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không hòa hợp được. Anh Q đi nước ngoài từ năm 2022, vợ chồng xa cách, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Q.

[4]. Về nuôi con chung: Cả 02 con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 22/3/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc H1, sinh ngày 21/6/2017 hiện đang ở cùng ông bà nội. HĐXX xét thấy anh Q hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, không sống cùng 02 con chung nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 con chung sẽ gặp nhiều hạn chế. Về điều kiện, hoàn cảnh của hai anh chị là như nhau nên cần giao mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc một con. Hơn nữa, cháu H1 là con gái, cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu H1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu T cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng

tạm giao cho ông **Phạm Văn H2** chăm sóc đến khi anh **Q** về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, chị **Nguyễn Thị L** đề nghị Toà án chia tài sản chung là thửa đất số 378, tờ bản đồ số 8, diện tích theo GCNQSD đất là 100m² có địa chỉ tại: **thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Đến ngày 29/7/2024, chị có đơn đề nghị gửi đến Toà án, xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung nữa. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị **L** là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 378, tờ bản đồ số 8, diện tích theo GCNQSD đất là 100m² có địa chỉ tại: **thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị **L**

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 13.350.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001338 ngày 26/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị **L** số tiền 13.050.000 đồng.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn anh **Phạm Văn Q**.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Thị Ngọc H1**, sinh ngày 21/6/2017 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu **Phạm Văn T**, sinh ngày 22/3/2013 cho anh **Phạm Văn Q** nuôi dưỡng tuy nhiên tạm giao cho ông **Phạm Văn H** chăm sóc, giáo dục đến khi anh **Q** về nước hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 13.350.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001338 ngày 26/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị L số tiền 13.050.000 đồng. Xác nhận chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị L.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phạm Văn Q hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đ, huyện L;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trung Thông